

**KHẢO SÁT MỨC ĐỘ YÊU THÍCH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC
VÀ CÁC YẾU TỐ LIÊN QUAN CỦA SINH VIÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC CẦN THƠ NĂM 2019**

Lê Thị Nhân Duyên, Huỳnh Thanh Đạt, Lê Thị Cẩm Tú,
Lâm Nhựt Anh, Nguyễn Thị Như Trang, Nguyễn Thắng,
Ngô Ngọc Uyên, Mai Nguyễn Thanh Trúc*
Trường Đại học Y Dược Cần Thơ
*Email: ltnduyen@ctump.edu.vn

TÓM TẮT

Đặt vấn đề: Nghiên cứu khoa học rèn luyện cho sinh viên năng lực tư duy và kỹ năng học tập suốt đời nhưng rất ít nghiên cứu về sự yêu thích của sinh viên đối với nghiên cứu khoa học (NCKH). **Mục tiêu:** Xác định mức độ yêu thích, nhu cầu NCKH và các yếu tố liên quan của sinh viên Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Phương pháp mô tả cắt ngang trên 88 sinh viên của trường Đại học Y Dược Cần Thơ từ năm thứ nhất đến năm cuối. **Kết quả:** Tỷ lệ sinh viên là nữ giới chiếm 56,8%; tỷ lệ sinh viên chưa từng thực hiện các hoạt động về NCKH (59,1%). 51,1% sinh viên có nhiều yêu thích đối với hoạt động NCKH; số sinh viên mong muốn hỗ trợ thực hiện nghiên cứu ở tất cả các bước theo từng lĩnh vực chiếm tỷ lệ cao nhất (43,2%). Sinh viên có điểm tích lũy càng cao thì mức độ yêu thích NCKH càng cao ($OR=3,48$; $p<0,05$); các yếu tố khác không có sự liên quan có ý nghĩa với sự yêu thích NCKH. **Kết luận:** Hơn một nửa số sinh viên tham gia nghiên cứu yêu thích NCKH, có mối tương quan tỉ lệ thuận giữa điểm học tập tích lũy và sự yêu thích NCKH của sinh viên.

Từ khóa: sự yêu thích, nhu cầu thực hiện nghiên cứu khoa học, các yếu tố liên quan, sinh viên.

ABSTRACT

**SURVEY ON INTERESTING LEVELS FOR SCIENTIFIC RESEARCH
AND RELATED FACTORS OF STUDENTS AT CAN THO UNIVERSITY
OF MEDICINE AND PHARMACY IN 2019**

*Le Thi Nhan Duyen, Huynh Thanh Dat, Le Thi Cam Tu, Lam Nhut Anh, Nguyen Thi
Nhu Trang, Nguyen Thang, Ngo Ngoc Uyen, Mai Nguyen Thanh Truc*
Can Tho University of Medicine and Pharmacy

Background: Scientific research trains students in their ability to think and soft skills but that very few studies have been conducted on student's interest in scientific research. **Objectives:** To determine the extent of interests and needs to do scientific research as well as the related factors of CTUMP's students. **Materials and methods:** The method of cross-sectional description on 88 students at Can Tho University of Medicine and Pharmacy from freshmen to seniors. **Results:** Female students account for 56.8%; the majority of students have never been conducting scientific research before (59.1%). Of this group, 51.1% had a great interest in conducting scientific research; The highest proportion of students wishing to support scientific research was at all steps of the field (43.2%). The higher grade point average (GPA) of students got, the greater interests in science they had ($OR=3.48$; $p<0.05$). Other factors were not significantly related to students' interest in scientific research. **Conclusion:** More than half of the students participating in the research were very much interested in scientific research; there was a positive correlation between the GPA scores and the students' interest in scientific research.

Keywords: interests, needs to conduct scientific research, related factors, students.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Nghiên cứu khoa học (NCKH) chiếm vai trò trọng tâm gắn liền với quá trình đào tạo ở các trường đại học, cao đẳng tại Việt Nam. Sinh viên ngày càng có nhiều cơ hội tiếp cận kiến thức cả về lí thuyết lẫn thực hành trong quá trình học tập với nhiều hình thức từ thực hiện đề tài, chuyên đề, làm tiểu luận, viết báo khoa học... Nhờ vậy sinh viên ngày càng phát huy được năng lực tư duy, sáng tạo cũng như rèn luyện các kỹ năng học tập suốt đời của bản thân, các kiến thức còn bỏ ngỏ trên trường lớp, sách vở; tạo cơ hội để sinh viên làm quen, ứng dụng kiến thức bản thân để tìm hiểu và giải quyết các vấn đề thực tiễn.

Trường Đại học Y Dược Cần Thơ là một trong những cơ sở đào tạo nhân lực y tế trọng điểm của Đồng bằng sông Cửu Long. Để đáp ứng chất lượng đội ngũ y tế của vùng, việc giúp cho sinh viên làm quen dần với nghiên cứu khoa học, đẩy mạnh nghiên cứu khoa học trong sinh viên, Trường đã ban hành quy định về hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên trong Trường Đại học Y Dược Cần Thơ [2].

Từ những lợi ích từ việc nghiên cứu khoa học mang lại cũng như đẩy mạnh phong trào sinh viên với nghiên cứu khoa học một cách hiệu quả, việc khảo sát sự yêu thích và nhu cầu thực hiện nghiên cứu khoa học của sinh viên trường Đại học Y Dược Cần Thơ mang ý nghĩa quan trọng. Nghiên cứu được thực hiện với các mục tiêu: Xác định mức độ yêu thích, nhu cầu nghiên cứu khoa học và các yếu tố liên quan của sinh viên Trường Đại học Y Dược Cần Thơ năm 2019.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng: Sinh viên đang học tại trường Đại học Y Dược Cần Thơ thuộc tất cả các mã ngành từ năm thứ nhất đến năm cuối.

Tiêu chuẩn chọn mẫu: Sinh viên chính quy tại Trường Đại học Y Dược Cần Thơ có tham dự hội thảo về NCKH và hoàn thành mẫu khảo sát đúng thời hạn.

Tiêu chuẩn loại trừ: Sinh viên có trả lời khảo sát nhưng không tham gia hội thảo NCKH do Trường tổ chức hoặc không hoàn thành câu hỏi khảo sát trên biểu mẫu hoặc gửi phản hồi trễ.

2.2. Phương pháp nghiên cứu:

Thiết kế nghiên cứu: Mô tả cắt ngang

Cỡ mẫu: Toàn bộ sinh viên có tham dự hội thảo về NCKH năm 2019 gồm 88 sinh viên

Phương pháp chọn mẫu: Thu thập số liệu qua Google Form.

Thời gian thu thập số liệu từ ngày 08/07/2019 đến ngày 15/07/2019

Nội dung nghiên cứu:

- Đánh giá sự yêu thích và nhu cầu thực hiện NCKH của sinh viên: dựa trên thang điểm tự đánh giá từ 1 đến 10, sau đó lấy điểm cắt là 8 điểm để phân nhóm yêu thích nhiều hay ít với NCKH

- Tìm hiểu mối liên quan giữa các đặc điểm chung của sinh viên đối với sự yêu thích nghiên cứu khoa học. Các yếu tố được đánh giá là: giới tính, lớp, khóa, trình độ anh văn, điểm tích lũy học tập

Xử lí thống kê: Xử lí dữ liệu bằng phần mềm SPSS 18.0, đưa các biến số về biến định tính (qualitative), sử dụng phép kiểm định phân phối khi bình phương (chi-square distribution) để kiểm định mối liên quan giữa các đặc điểm của đối tượng với mức độ yêu thích. Cuối cùng, phân tích kết quả và đưa ra ý kiến lý giải dựa tần số tương đối, tỷ số

chênh (OR) thu được; đề ra phương hướng nhằm nâng cao sự yêu thích của sinh viên với nghiên cứu khoa học.

III. KẾT QUẢ

Kết quả khảo sát mức độ yêu thích, nhu cầu NCKH và các yếu tố liên quan của sinh viên thể hiện qua các bảng và biểu đồ dưới đây:

Bảng 1. Thông tin chung về đối tượng nghiên cứu

Đặc điểm	Tần số (n = 88)	Tỷ lệ (%)
Giới tính		
Nam	38	43,2
Nữ	50	56,8
Quê quán		
Tây Nam Bộ	82	93,2
Tỉnh khác	6	6,8
Ngành		
Y đa khoa	50	56,8
YHDP, YHCT, RHM, YTCC, Điều dưỡng, Dược	38	43,2
Khóa		
Sinh viên những năm đầu	39	44,3
Sinh viên tốt nghiệp, khóa cuối và kế cuối	49	55,7
Trình độ Anh văn		
Có chứng chỉ (TOEIC, IELTS, TOEFL, Cambridge, ABC,...)	57	64,8
Chưa có chứng chỉ	31	35,2
Điểm học tập tích lũy		
<3,2	65	73,9
≥3,2	23	26,1

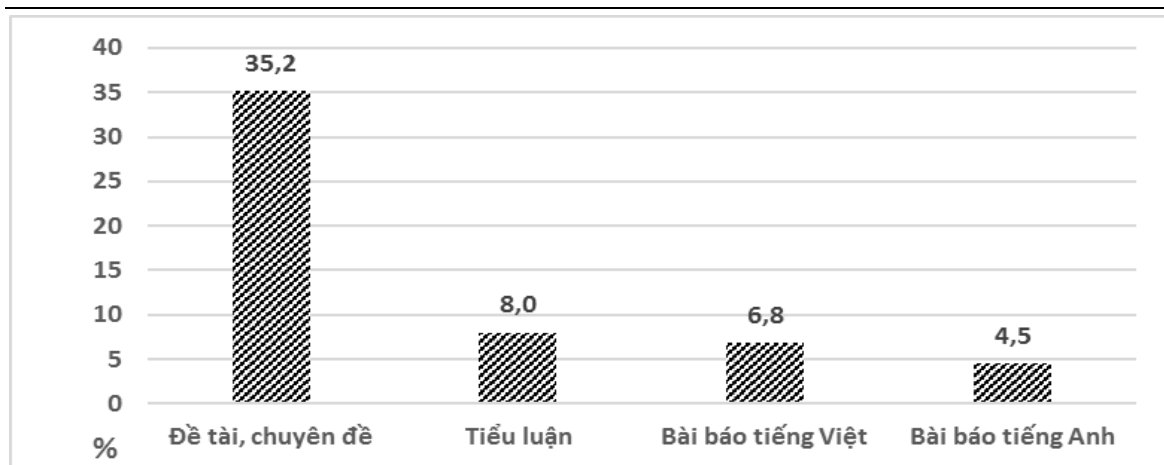
Nhận xét: Các đối tượng khảo sát có đặc điểm như sau: Đối tượng nghiên cứu đa phần là nữ giới chiếm 56,8%; 93,2% có quê quán thuộc các tỉnh vùng Tây Nam Bộ; 56,8% thuộc lớp Bác sĩ đa khoa; 55,7% là khóa các sinh viên tốt nghiệp, khóa cuối và kế cuối của từng ngành học. Về trình độ Anh văn, số sinh viên có chứng chỉ chiếm tỉ lệ 64,8% và tỉ lệ sinh viên tham gia khảo sát có điểm tích lũy hiện tại <3,2 chiếm 73,9%.

Bảng 2. Thống kê về việc thực hiện NCKH

Thực hiện NCKH	Tần số (n=88)	Tỷ lệ (%)
Đã từng	36	40,9
Chưa từng	52	59,1

Nhận xét: Các đối tượng chưa từng thực hiện các hoạt động về NCKH chiếm 59,1%.

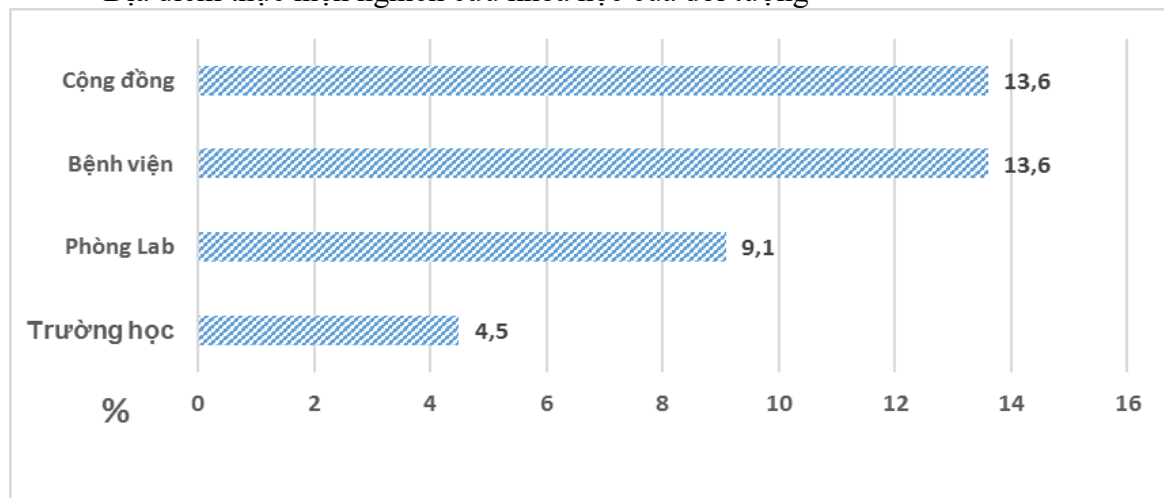
Các hoạt động về NCKH mà đối tượng đã từng thực hiện



Biểu đồ 1: Các hoạt động về NCKH mà đối tượng đã từng thực hiện

Nhận xét: Trong số đã từng thực hiện các hoạt động về NCKH, thực hiện đề tài và chuyên đề chiếm tỷ lệ cao nhất là 35,2%.

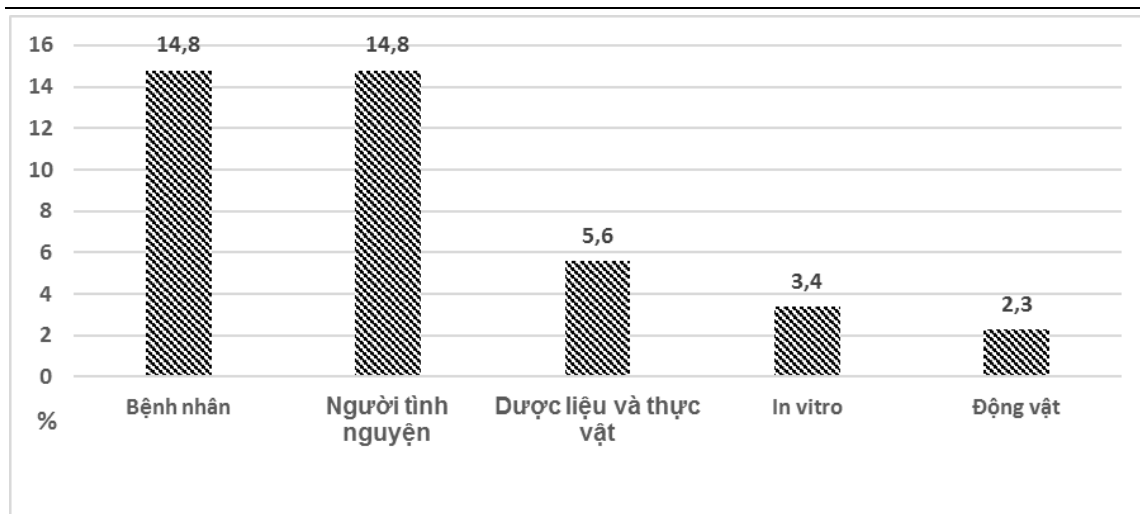
Địa điểm thực hiện nghiên cứu khoa học của đối tượng



Biểu đồ 2: Địa điểm thực hiện nghiên cứu khoa học của đối tượng

Nhận xét: Kết quả khảo sát cho thấy, cộng đồng và bệnh viện là địa điểm nghiên cứu nhiều nhất tương đương nhau chiếm tỷ lệ 13,6%.

Các đối tượng nghiên cứu được tiến hành qua khảo sát



Biểu đồ 3: Thống kê các đối tượng nghiên cứu được tiến hành qua khảo sát
 Nhận xét: nghiên cứu trên người tình nguyện và bệnh nhân chiếm cao nhất là 14,8%.

Bảng 3: Mức độ yêu thích với NCKH (nghiên cứu khoa học) (thang điểm 10)

Mức độ yêu thích NCKH	Tần số (n=88)	Tỷ lệ (%)
Nhiều (≥ 8 điểm)	45	51,1
Ít (1-7 điểm)	43	48,9
Trung bình \pm Độ lệch chuẩn	$7,3 \pm 1,7$	

Nhận xét: Có 51,1% đối tượng nghiên cứu có nhiều yêu thích đối với hoạt động NCKH (>8 điểm trên thang điểm 10), điểm trung bình mức độ yêu thích là $7,3 \pm 1,7$.

Bảng 4. Thống kê khảo sát đăng ký vào các nhóm hỗ trợ NCKH-HTQT (nghiên cứu khoa học- hợp tác quốc tế)

Nội dung	Tần số (n=88)	Tỷ lệ (%)
Hỗ trợ thực hiện nghiên cứu ở tất cả các bước theo từng lĩnh vực	38	43,2
Hỗ trợ chỉnh sửa và công bố bài báo tiếng Anh trên các tạp chí quốc tế	18	20,5
Hỗ trợ thu thập số liệu	12	13,6
Hỗ trợ chỉnh sửa và công bố bài báo tiếng Việt trên các tạp chí trong nước	10	11,4
Hỗ trợ phân tích và xử lý số liệu	6	6,8
Hỗ trợ chỉnh sửa đề tài, chuyên đề nghiên cứu khoa học	4	4,5

Nhận xét: Trong số các sinh viên đăng kí hỗ trợ NCKH-HTQT, số sinh viên mong muốn hỗ trợ thực hiện nghiên cứu ở tất cả các bước theo từng lĩnh vực chiếm tỷ lệ cao nhất (43,2%).

Bảng 5. Mối liên quan giữa mức độ yêu thích NCKH với đặc điểm chung của đối tượng

Đặc điểm chung		Mức độ yêu thích NCKH		OR (KTC 95%)	p
		Nhiều, n (%)	Ít, n (%)		
Giới tính	Nam	21 (55,3)	17 (44,7)	1,48 (0,6 – 3,64)	0,398
	Nữ	24 (48,0)	26 (52,0)		
Ngành	Y đa khoa	22 (44,0)	28 (56,0)	1,97 (0,77 – 5,1)	0,159
	YHDP, YHCT, RHM, YTCC, Điều dưỡng, Dược	23 (60,5)	15 (39,5)		
Khóa	Sinh viên những năm đầu	21 (53,8)	18 (46,2)	1,45 (0,48 – 4,36)	0,511
	Sinh viên tốt nghiệp, khóa cuối và kế cuối	24 (49,0)	25 (51,0)		
Trình độ Anh văn	Có chứng chỉ (TOEIC, IELTS, TOEFL, Cambrigde, ABC,...)	30 (52,6)	27(47,4)	1,32 (0,5 – 3,45)	0,576
	Chưa có chứng chỉ	15 (48,4)	16 (51,6)		
Điểm học tập tích lũy	<3,2	29 (43,3)	38 (56,7)	3,48 (1,19 – 10,2)	0,023
	≥3,2	16 (76,2)	5 (23,8)		

Nhận xét: Giới tính, lớp, khóa, trình độ anh văn của sinh không liên quan với mức độ yêu thích NCKH của sinh viên. Tỷ lệ sinh viên có điểm tích lũy càng cao thì mức độ yêu thích khoa học càng cao (cao nhất là nhóm có điểm tích lũy $\geq 3,2$ chiếm 76,2%). Tỷ số chênh giữa nhóm có điểm tích lũy $\geq 3,2$ và nhóm có điểm tích lũy $< 3,2$ có sự khác nhau là 3,48($p < 0,05$).

IV. BÀN LUẬN

Qua kết quả trên cho thấy tất cả sinh viên tham gia khảo sát đều có sự yêu thích NCKH nhất định với các mức độ khác nhau, trong đó tỷ lệ sinh viên yêu thích nhiều về NCKH chiếm 51,1%. Đây là tiềm năng to lớn trong phong trào sinh viên với NCKH, cần được thúc đẩy để sinh viên ngày càng yêu thích, đam mê với NCKH. Tuy nhiên, tỷ lệ sinh viên chưa thực hiện NCKH cao hơn so tỷ lệ sinh viên có sự đam mê với NCKH. Nguyên nhân có thể do sinh viên cho rằng họ còn khá yếu về kiến thức thống kê xã hội như thiết kế phiếu điều tra, xử lý mẫu sau khi thu thập, phân tích và đọc số liệu sau khi thống kê; cũng như không có ý tưởng cho đề tài. Đó cũng có thể do các hoạt động NCKH của trường còn ít được biết đến nên cần tăng cường tuyên truyền về phong trào NCKH trong sinh viên, tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên thực hiện NCKH và công bố các sản phẩm NCKH của sinh viên để tạo động lực để sinh viên hăng hái tham gia NCKH. Trong khảo sát của Đinh Minh Quang (2014), cả nhóm sinh viên nam và nữ khi tham gia trả lời phỏng vấn đều cho rằng có 5 yếu tố quan trọng ảnh hưởng việc thực hiện đề tài NCKH gồm: Ý tưởng để hình thành đề tài; Kiến thức chuyên môn và thống kê; Sự hỗ trợ của Thầy/Cô; Sự hỗ trợ từ khoa Sư phạm; Trang thiết bị, tài liệu phục vụ nghiên cứu và kinh phí. Sự tác động của 05 yếu tố này không giống nhau đến phong trào NCKH trong sinh viên của khoa

Sự phạm dựa trên phép thử Friedman ($\chi^2 = 203,887$; $p < 0,01$). Trong đó, họ cho rằng, yếu tố quan trọng nhất là ý tưởng đề hình thành đề tài NCKH vì nếu không có ý tưởng về đề tài NCKH thì họ không thể làm được điều gì, kể đến là kiến thức chuyên môn và thống kê. Yếu tố trang thiết bị, tài liệu phục vụ nghiên cứu và kinh phí xếp thứ 3, theo sau đó là yếu tố sự hỗ trợ của Thầy/Cô và sự hỗ trợ từ khoa Sư phạm [6].

Nhìn chung, tỷ lệ sinh viên chưa từng thực hiện các hoạt động về NCKH cao hơn so với tỷ lệ sinh viên đã từng thực hiện các hoạt động về NCKH. Theo Trần Ngọc Thảo Nguyên (2018), nhận thức hoạt động NCKH của sinh viên đạt mức trung bình - khá. Từ đó, đặt ra yêu cầu cho cán bộ quản lý cần có những biện pháp phù hợp để nâng cao nhận thức của sinh viên trong hoạt động NCKH; nhận thức đầy đủ những vấn đề này góp phần thúc đẩy sinh viên tham gia tích cực hoạt động NCKH [3]. Đối với sinh viên trường Đại học Y Dược Cần Thơ, nhận thức hoạt động NCKH cần phải ở mức cao, vì Trường đào tạo đặc thù về khoa học sức khỏe, y học chứng cứ, đòi hỏi sinh viên phải liên tục cập nhật kiến thức, tự trao đổi, tự nghiên cứu; nhưng có thể vì các yếu tố đã nêu khiến hoạt động NCKH trong sinh viên còn thấp. Trong các nghiên cứu kế tiếp cần khảo sát nhận thức của sinh viên về lợi ích và sự cần thiết của NCKH. Theo Nguyễn Giác Trí (2018), có hai yếu tố có ý nghĩa thống kê ảnh hưởng đến năng lực NCKH của sinh viên là yếu tố thái độ là yếu tố ảnh hưởng mạnh nhất đến năng lực NCKH của sinh viên và yếu tố kỹ năng. Yếu tố thái độ có tác động cùng chiều đến năng lực NCKH của sinh viên ($\beta = 0,501$, $t = 2,944$, $P < 0,05$), yếu tố kỹ năng có tác động cùng chiều đến năng lực NCKH của sinh viên ($\beta = 0,490$, $t = 2,688$, $P < 0,05$) [4]. Vì vậy, cần có giải pháp để sinh viên nhận thấy vai trò của NCKH, tích cực tham gia nghiên cứu, nâng cao cả về số lượng và chất lượng sinh viên thực hiện NCKH cùng các sản phẩm NCKH. Đối với các sinh viên đã từng thực hiện các hoạt động về NCKH thì thực hiện đề tài và chuyên đề chiếm tỷ lệ cao nhất là 38,9%. Đề tài và chuyên đề là mảng chính yếu trong NCKH, sinh viên ít có cơ hội tiếp cận với các bài tiểu luận, bài báo tiếng Việt, tiếng Anh do chưa có hiểu biết đủ về các hình thức trong NCKH, chưa có một kênh thông tin nào cung cấp đầy đủ về vấn đề này. Do đó, Nhà trường cần phải tạo nhiều điều kiện để sinh viên có thể tham gia các hình thức NCKH khác nhau, đa dạng hóa các sản phẩm NCKH. Thêm vào đó, các giảng viên vẫn chưa tạo nhiều cơ hội cho sinh viên các khóa tham gia cộng tác trong các hoạt động NCKH. Theo Nguyễn Thị Thu Hồng (2016), 76% giảng viên cho rằng sinh viên năm thứ nhất chưa có đủ kiến thức và năng lực để tham gia NCKH, vì vậy mà khi giao đề tài, họ thường chọn các sinh viên năm thứ ba hoặc năm thứ tư [5]. Trong số các sinh viên đăng ký hỗ trợ NCKH-HTQT thì số sinh viên mong muốn hỗ trợ thực hiện nghiên cứu ở tất cả các bước theo từng lĩnh vực chiếm tỷ lệ cao nhất. Điều này có thể xuất phát từ việc sinh viên chưa có nhiều kiến thức và kỹ năng trong lĩnh vực NCKH nên mong muốn thực hiện tất cả các khâu trong quá trình NCKH để tích lũy nhiều kinh nghiệm.

Có thể thấy rằng mức độ yêu thích của sinh viên có mối liên quan đến điểm tích lũy học tập. Sinh viên có học lực càng cao thì sẽ càng có nhiều sự yêu thích với NCKH. Theo Nguyễn Thị Thu Hồng (2016), nhiều sinh viên cho rằng hoạt động NCKH là không cần thiết đối với quá trình học tập chiếm tỷ lệ 88,17%. Hầu hết sinh viên được hỏi đều có quan điểm: Việc học và thi các học phần đạt kết quả cao mới thực sự quan trọng. Còn NCKH thì có lẽ chỉ dành cho những sinh viên có thành tích học tập cao [5]. Đây cũng có thể là tình hình chung của cả sinh viên trường Đại học Y Dược Cần Thơ. Nhiều sinh viên nghĩ rằng việc NCKH chỉ dành cho sinh viên có học lực giỏi, các bạn có điểm tích lũy $< 3,2$ dù có nhiều yêu thích với NCKH nhưng vẫn e dè, chưa dám đăng ký thực hiện

NCKH. Tuy nhiên, sinh viên có điểm tích lũy <3,2 chiếm số lượng rất đông, đây là một lực lượng quan trọng trong hoạt động NCKH; cần phải có nhiều quan tâm hơn đến nhóm sinh viên này để mang NCKH đến gần với tất cả sinh viên. Để thực hiện thành công một đề tài NCKH trong sinh viên, ngoài học lực thì sinh viên cần phải có sự nhiệt tình đối với công tác NCKH.

V. KẾT LUẬN

Khảo sát cho thấy 51,1% sinh viên có mức độ yêu thích cao đối với hoạt động NCKH. Sinh viên có điểm tích lũy càng cao thì mức độ yêu thích khoa học càng cao (OR=3,74; p<0,05). Khảo sát dựa trên sự chủ động tham gia của sinh viên đang học tập tại trường nên giảm được sai số hệ thống và tăng độ tin cậy. Mặt khác, cỡ mẫu và tiêu chuẩn chọn mẫu ban đầu chưa mang tính đại diện cho quần thể nên làm tăng sai số ngẫu nhiên.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Chấp hành Trung ương (2013), Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.
2. Trường Đại học Y Dược Cần Thơ (2017), Quyết định số 1079/QĐ-ĐHYDCT ngày 29/09/2017 ban hành quy định về hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên trong Trường Đại học Y Dược Cần Thơ.
3. Trần Ngọc Thảo Nguyên (2018), Thực trạng nhận thức hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên tại trường đại học Sài Gòn, *Tạp chí Giáo dục*, Số đặc biệt Kỳ 1 tháng 5/2018, tr 95-98.
4. Giác Trí - Huỳnh Quốc Tuấn - Lê Thị Loan - Phạm Ánh Tuyết (2018), Một số vấn đề về nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học của sinh viên khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh Trường Đại học Đồng Tháp, *Tạp chí Giáo dục*, Số đặc biệt Kỳ 1, tr 121-125.
5. Nguyễn Thị Thu Hồng (2016), Thực trạng và đề xuất biện pháp nhằm nâng cao hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên trường ngành kỹ thuật của trường Đại học Hải Phòng, *Tạp chí giáo dục*, Số 375 Kỳ 1 tháng 2
6. Minh Quang (2014). Kết quả khảo sát về tình hình nghiên cứu khoa học trong sinh viên Khoa Sư Phạm-Trường Đại Học Cần Thơ, *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*, Số 30C, tr 46-50.
7. Tambe J, Minkande JZ, Moifo B, Mbu R, Ongolo-Zogo P, Gonsu J (2014), *Students' perspectives on research and assessment of a model template designed to guide beginners in research in a medical school in Cameroon*. BMC Medical Education, 14:269.
8. Lopatto, David (2004), *Survey of undergraduate research experiences (SURE): First findings*. Cell biology education, 3:270-277.
9. Russell, S. H. Hancock, M. P. McCullough, James (2007), *Benefits of undergraduate research experiences*. Science, 316:548-549.
10. Feldman, Allan Divoll, Kent A Rogan-Klyve, Allyson (2013), *Becoming researchers: The participation of undergraduate and graduate students in scientific research groups*, Science Education, 97: 218-243.

(Ngày nhận bài: 21/02/2020 - Ngày duyệt đăng bài: 11/4/2020)